

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2023/DS-PT

Ngày: 31-5-2023

V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hà

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Văn Lộc

Bà Võ Thị Mỹ Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Văn Minh - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý 70/2023/TLPT-DS, ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 141/2022/DS-ST, ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 88/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Ngô Văn B** - Sinh năm 1938; nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện L, tỉnh V (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Trần Bá T** - Sinh năm 1951; địa chỉ: Phường B, thành phố V, tỉnh V (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Lê Thị Tuyết S** - Sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp B, xã H, huyện M, tỉnh V (Có mặt).

- *Do có kháng cáo của:* Bà **Lê Thị Tuyết S** - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 12/10/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn **Ngô Văn B** (do ông **Trần Bá T** đại diện) trình bày:

Năm 2008, ông **Ngô Văn B** bắt đầu sống chung như vợ chồng với bà **Lê Thị Tuyết S** tại ấp B, xã H, huyện M, tỉnh V. Trong thời gian chung sống, giữa ông B và bà S có kinh doanh chung 01 cơ sở mua bán gỗ ở ấp B, xã H, huyện M, tỉnh V; tuy kinh doanh chung nhưng gỗ của ai thì người đó bán. Trong thời

gian này, bà S cần vốn để mua gỗ để kinh doanh nên vào ngày 04/01/2019, bà Lê Thị Tuyết S có mượn của ông B số tiền là 190.000.000đ để trả tiền mua gỗ của người khác; bà S có viết giấy biên nhận nợ, trong giấy nợ có ghi lãi suất 4.000.000đ, không có ghi thời hạn trả gốc, bà S có hứa với ông B khi nào ông B cần tiền thì bà S sẽ trả lại đủ cho ông B. Ông B đã giao đủ số tiền 190.000.000đ cho bà S.

Do ông B tuổi đã cao nên đến năm 2021 ông về sống với các con tại ấp L, xã L, huyện L, tỉnh V. Sau khi ông B cho bà S mượn tiền, bà S không có lần nào đóng lãi cho ông B. Sau này, do ông B cần sử dụng tiền nên ông B nhiều lần yêu cầu bà S trả lại số tiền nêu trên nhưng bà S không trả mà cứ hẹn lần này sang lần khác.

Do đó, ông B yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà S có nghĩa vụ trả lại cho ông B số tiền gốc là 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng).

- Về tiền lãi: Ông B yêu cầu bà S trả tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 04/01/2019 đến ngày 04/10/2022 là 45 tháng:

$190.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 45 \text{ tháng} = 70.965.000đ$. Ông B chỉ yêu cầu bà S trả 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) tiền lãi.

Tổng cộng gốc và lãi là: 260.000.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu đồng).

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị Tuyết S trình bày:*

Bà S và ông B chung sống như vợ chồng từ năm 2008 và không còn chung sống kể từ tháng 8/2022 cho đến nay. Trong thời gian chung sống như vợ chồng, bà S và ông B sinh sống ở ấp B, xã H, huyện M, tỉnh V, cùng kinh doanh mua bán gỗ. Ông B sống chung nhưng thường xuyên chửi bới, tính tình khó khăn nên bà S có nói với ông B nghỉ làm, để một mình bà S làm rồi bà S cho ông B 4.000.000đ/tháng để ông B xài, ông B nói có một số gỗ của ông B còn lại tổng trị giá là 190.000.000đ, nên ông B yêu cầu bà S viết biên nhận nợ ngày 04/01/2019 nên bà S đã viết và ký tên vào biên nhận (là biên nhận ông B đã cung cấp cho Tòa án), sau khi viết biên nhận nợ xong thì ông B không có nghỉ làm, ông B vẫn mua bán gỗ đến khoảng hơn 01 năm thì ông B mới nghỉ, trước khi nghỉ ông B đã bán nhiều lần đến khi hết số gỗ của ông B tổng trị giá hơn 500.000.000đ. Sau khi bà S viết biên nhận nợ ngày 04/01/2019, bà S không có nhận 190.000.000đ từ ông B. Do đó, bà S không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST, ngày 20 tháng 3 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn B.

Buộc bị đơn bà Lê Thị Tuyết S có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Ngô Văn B số tiền gốc là 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng) và tiền lãi là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Tổng cộng gốc và lãi là: 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 03/4/2023, bị đơn Lê Thị Tuyết S có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn B về việc yêu cầu bà Lê Thị Tuyết S có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Văn B số tiền gốc là 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng) và tiền lãi là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), tổng gốc và lãi là 260.000.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu đồng). Bà Trương giao nộp cho Tòa án Tờ cam kết ngày 25/8/2022 của ông Ngô Văn B.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Lê Thị Tuyết S trình bày rằng bà không có nhận số tiền 190.000.000đ theo Biên nhận ngày 04/01/2019 nên bà vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện hợp pháp của ông Ngô Văn B trình bày rằng ông Ngô Văn B không đồng ý với kháng cáo của bà Lê Thị Tuyết S, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Tuyết S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bà Lê Thị Tuyết S về việc sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn B:

[2] Ông Ngô Văn B yêu cầu bà Lê Thị Tuyết S trả số tiền vay là 190.000.000đ và tiền lãi là 70.000.000đ, tính từ khi vay là ngày 04/01/2019 đến ngày 04/10/2022 (45 tháng), theo mức lãi suất 0,83%/tháng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông B là Biên nhận ngày 04/01/2019 do bà S trực tiếp viết và ký tên với nội dung: “*Có mượn ông Ngô Văn B 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu) tháng đóng lãi suất 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)*”.

[3] Bà S trình bày rằng bà không có nhận số tiền 190.000.000đ từ ông B nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông B. Bà S cho rằng do ông B sống chung nhưng thường xuyên chửi bới, tính tình khó khăn, bà S nói với ông B nghỉ làm để một mình bà S làm rồi bà S đưa cho ông B 4.000.000đ/tháng để ông B xài, ông B nói với bà S có một số gỗ của ông B còn lại tổng trị giá là 190.000.000đ nên ông B yêu cầu bà S viết biên nhận nợ ngày 04/01/2019; sau khi viết biên nhận nợ xong, ông B không có nghỉ làm nên bà S không có đưa cho ông B 4.000.000đ/tháng, ông B vẫn mua bán gỗ đến khoảng hơn 01 năm thì ông B mới nghỉ; trước khi nghỉ ông B đã bán nhiều lần đến khi hết số gỗ của ông B tổng trị giá hơn 500.000.000đ.

[4] Xét lời trình bày trên của bà S là không có căn cứ, bởi lẽ: Ông B không thừa nhận lời trình bày của bà S; ông B xác định ông đã giao tiền cho bà S số tiền 190.000.000đ nên bà S mới viết biên nhận nợ với số tiền là 190.000.000đ. Bà S thừa nhận chính bà viết và ký tên vào Biên nhận ngày 04/01/2019 mà không bị ai ép buộc. Tại cấp sơ thẩm, bà S không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà không có nhận số tiền 190.000.000đ từ ông B. Tại cấp phúc thẩm, bà S giao nộp chứng cứ là Tờ cam kết ngày 25/8/2022 của ông Ngô Văn B; tuy nhiên, nội dung Tờ cam kết này hoàn toàn không có liên quan gì đến Biên nhận vay ngày 04/01/2019; tại Tờ cam kết này, ông B cam kết ông không tranh chấp bất cứ tài sản nào thuộc về trại cưa Đức Phú 3, giao toàn quyền cho bà S sở hữu tài sản này. Như vậy, bà S không có chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà là có căn cứ và hợp pháp. Do đó, bản án sơ thẩm buộc bà S có nghĩa vụ trả cho ông B số tiền gốc là 190.000.000đ và tiền lãi là 70.000.000đ theo mức lãi suất 0.83%/tháng, tính từ ngày 04/01/2019 đến ngày 04/10/2022, là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Từ những nội dung phân tích trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Tuyết S, giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của bà S, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ; bà S được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ mà bà đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Tuyết S.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 141/2022/DS-ST ngày 12/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 và Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn B.

Buộc bà Lê Thị Tuyết S có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Văn B số tiền gốc là 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng) và tiền lãi là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng); tổng cộng gốc và lãi là 260.000.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Tuyết S chịu 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Lê Thị Tuyết S chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà S đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long theo biên lai thu số 0007682 ngày 05/4/2023; bà Sương đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh VL;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- TAND huyện Mang Thít;
- Chi cục THADS huyện Mang Thít;
- Đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Hồng Hà